TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/DS-ST
Ngày: 24 – 3 – 2026
V/v tranh chấp xác định ranh đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ch Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Tân

Ông Trần Văn Triều

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Thái Ngọc Thanh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Sang, Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp xác định ranh đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2026/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Tân An, xã Tân Phú, huyện Ch Thành, tỉnh Đồng Tháp. Nay là ấp Tân An, xã Tân Phú Tr, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Tú là anh Phan Thanh T, sinh năm 1975. Địa chỉ ấp Tân Quới, xã Tân Phú Tr, huyện Ch Thành, tỉnh Đồng Tháp. Nay là ấp Tân Quới, xã Tân Phú Tr, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Bị đơn: 1. Ông Lăng Viết S, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

2. Ông Lăng Viết T, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân An, xã Tân Phú, huyện Ch Thành, tỉnh Đồng Tháp. Nay là ấp Tân An, xã Tân Phú Tr, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phan Thanh T có anh Phan Thanh T đại diện trình bày:

Hộ anh Phan Thanh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 437, tờ bản đồ 17, diện tích 3.088m^2 (Lúa) và thửa 443, tờ bản đồ 17, diện tích 653m^2 (CLN). Hai thửa đất này có nguồn gốc của ông Huỳnh Hữu Đức được anh Phan Thanh T nhận chuyển nhượng vào năm 2002, lúc này cha anh Tú đứng ra mua rồi cho anh Tú đứng tên. Trong hộ anh Tú chỉ có 02 cha con là anh Tú và con anh Tú là cháu Phan Tính Khải, sinh ngày 05/12/2012.

Giáp ranh là thửa đất 373 (nay là thửa 425) tờ bản đồ số 17, diện tích 3.438m^2 (Lúa) và thửa 372 (nay là thửa 426) tờ bản đồ số 17, diện tích 580m^2 (T, CLN) của ông Lăng Viết Th (chết) hiện do Lăng Viết T quản lý, sử dụng.

Khi hộ anh Tú được cấp giấy chứng nhận thì có đo đạc thực tế có những người giáp ranh ký tên, ông Lăng Viết Th lúc này có sống có ký tên. Giáp ranh giữa các thửa đất có trụ đá ranh đầu ngòai dưới mé sông ngay mốc 4 (nay không còn), còn mốc 3 – 6 không có trụ đá. Ngay vị trí mốc 2 có trụ đá trồng từ trước đến nay hiện vẫn còn.

Khoảng tháng 09 năm 2023 (al) con của ông Th là Lâm Viết T tự ý lấn qua phần diện tích đất của anh Tú để đào mương chiều ngang khoảng 01 m, chiều dài hết đất. Anh Tú có trao đổi với ông T để thống nhất ranh đất nhưng không thành dẫn đến cự cãi.

Nay anh Phan Thanh T yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa 437, tờ bản đồ 17 (Lúa) của hộ anh Tú đứng tên với thửa 373 (nay là thửa 425) tờ bản đồ số 17 (Lúa) của hộ ông Lăng Viết Th là từ mốc 1 – 1A – 3.

Anh Tú yêu cầu xác định ranh đất giữa thửa 443, tờ bản đồ 17 (CLN) của hộ anh Tú đứng tên với thửa 372 (nay là thửa 426) tờ bản đồ số 17 (T, CLN) của ông Lăng Viết Th (chết) hiện do ông Lăng Viết T quản lý, sử dụng là từ mốc 3 – 4. Nếu sau này Tòa án xác định ranh xong, tài sản của ai dính vào ranh đất của người khác thì tự di dời, không trả giá trị.

Anh Tuấn thống nhất kết quả thẩm định, định giá và sơ đồ đo đạc.

Bị đơn ông Lăng Viết T trình bày

Nguồn gốc 02 thửa đất 372, 373 (425, 426) này có nguồn gốc của tập đoàn cấp cho hộ ông Lăng Viết Th vào năm 1994, một người ở xã Tân Phú cũ có đo đạc bằng thước dây. Ngoài 02 thừa đất này thì hộ ông Th còn được cấp thêm 02 thửa đất khác nhưng đã chuyển nhượng cho người khác. Hiện chỉ còn thửa 372,

373 ông T đang quản lý. Từ thời điểm hộ ông Th được cấp giấy đến khi ông Th chuyển nhượng 02 thửa đất kia thì phía ủy ban cũng chưa thu hồi giấy cũ, đến nay thì chưa được cấp đổi vẫn còn giấy chứng nhận cũ và ông T đang giữ, không có cầm cố, thế chấp.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 372, 373 thì trong hộ ông Th có các thành viên gồm cha tên Lăng Viết Th (chết 2008), mẹ tên Vũ Thị Hoa (chết năm 2004), các con Lăng Viết Ch (đã chết năm 2025), Lăng Viết S và Lăng Viết T. Ông Ch không có vợ con.

Bên cạnh đó ông Th và bà Hoa có 01 người con nữa là Lăng Viết Tr (đã chết). Ông này tách hộ khẩu năm 1978 trước thời điểm Ủy ban cấp giấy chứng nhận thửa đất 372, 373 cho hộ ông Lăng Viết Th năm 1994.

Ông Lăng Viết Tr có 03 người con gồm: Tên Lăng Viết Thị Hằng Chi, Lăng Viết Anh Tuấn và Lăng Viết Thụy Chiêu Hằng.

Giáp ranh với thửa 372, 373 là thửa 437, 443 của anh Phan Thanh T. Hai thửa đất này ông Tú mua của ông Huỳnh Hữu Đức. Lúc anh Tú mua đất không biết có đo đạc thực tế không vì lúc đó không có kêu ông T ký giáp ranh. Trong biên bản có ông Th ký giáp ranh nhưng ông Th chỉ ký tên chứ không biết ranh đất chỗ nào và đây là tài sản chung của ông Th, bà Hoa.

Trước đây đầu ngoài có cắm trụ đá dưới mé sông nhưng bị lỡ nên trụ đá không còn, đầu trong cũng có trụ đá vẫn còn nhưng bị chôn sâu dưới đất nằm bên phần đất thửa 373 ngay vị trí mốc 2. Lý do ông không yêu cầu dời trụ đá này vì ông T muốn để đó cho anh Tú biết việc anh Tú trồng trụ đá xác định ranh đất như vậy là sai.

Vị trí mốc 2 – 3 anh Tú xác định là sát mí bờ của thửa đất 373. Còn vị trí mốc 6 – 7 xác định là sát mí bờ của thửa 437.

Thửa đất 373 nay chính là thửa 425 và 416 nhập lại do trước đó khi cụ Th còn sống định tách một phần thửa 373 cho ông Lăng Viết Ch, định cho ông Ch Thửa 416, lúc đầu tách xong nhưng do bên cấp giấy làm Th lạc giấy chứng nhận thửa 416 và ông Th không làm lại thủ tục nên Cơ quan cấp giấy không cấp giấy nữa. Theo sơ đồ thể hiện thửa 416 và 425 là thửa 373 đều do ông T quản lý nên Cơ quan cấp giấy không thu hồi giấy cũ.

Nay ông Lăng Viết T không thống nhất theo vị trí mà bên anh Tú xác định. Ông T vẫn giữ nguyên ý kiến xác định ranh đất giữa thửa 372, 373 hiện ông T đang quản lý với thửa 443, 437 của anh Tú là từ mốc 1 – 7 – 6 – 5 theo sơ đồ đo đạc. Trường hợp vị trí ông T yêu cầu xác định ranh mà diện tích có dư so giấy chứng nhận đã cấp thì ông T chỉ yêu cầu đảm bảo đủ diện tích theo giấy chứng nhận, đồng ý trả lại phần dư.

Nếu sau này Tòa án xác định ranh xong, tài sản của ai dính vào ranh đất của người khác thì tự di dời, không trả giá trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông Lăng Viết S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Sơn không đến Tòa án, chưa tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh T. Xác định ranh đất giữa thửa 437, tờ bản đồ 17 (Lúa) của hộ anh Tú đứng tên với thửa 373 (nay là thửa 425) tờ bản đồ số 17 (Lúa) của hộ ông Lăng Viết Th là từ mốc 1 – 1A – 3.

- Xác định ranh đất giữa thửa 443, tờ bản đồ 17 (CLN) của hộ anh Tú đứng tên với thửa 372 (nay là thửa 426) tờ bản đồ số 17 (T, CLN) của hộ ông Lăng Viết Th (chết) hiện do ông Lăng Viết T quản lý, sử dụng là từ mốc 3 – 4.

Các cây trồng của ông T dính qua phần đất của anh Tú thì ông T có trách nhiệm tự di dời.

Về chi phí tố tụng và án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện anh Phan Thanh T yêu cầu xác định ranh giữa các thửa đất 437, 443 với thửa 373 (nay là thửa 425) và thửa 372 (nay là thửa 426).

Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các thửa đất tọa lạc ấp Tân An, xã Tân Phú, huyện Ch Thành, tỉnh Đồng Tháp. Nay là xã Tân Phú Tr, tỉnh Đồng Tháp nên theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 8-Đồng Tháp có thẩm quyền giải quyết.

Bị đơn ông Lăng Viết S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Sơn vắng mặt lần 2 không lý do. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu xác định ranh đất của anh Phan Thanh T, Hội đồng xét thấy như sau:

Theo anh Tú xác định ranh đất giữa thửa 437, tờ bản đồ 17 (Lúa) của hộ anh Tú đứng tên với thửa 373 (nay là thửa 425) tờ bản đồ số 17 (Lúa) của hộ ông Lăng Viết Th là từ mốc 1 – 1A – 3. Ranh đất giữa thửa 443, tờ bản đồ 17

(CLN) của hộ anh Tú đứng tên với thửa 372 (nay là thửa 426) tờ bản đồ số 17 (T, CLN) của hộ ông Lăng Viết Th (chết) hiện do ông Lăng Viết T quản lý, sử dụng là từ mốc 3 – 4.

Còn ông T xác định ranh đất giữa thửa 372, 373 hiện ông T đang quản lý với thửa 443, 437 của anh Tú là từ mốc 1 – 7 – 6 – 5.

Xét việc xác định ranh đất của anh Phan Thanh T là có cơ sở vì:

Thứ nhất: Do anh Tú nhận chuyển nhượng thửa đất 443, 437 từ ông Huỳnh Hữu Đức nên trước khi làm thủ tục sang tên, các thửa đất đã được cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc thực tế và có đưa những người có đất giáp ranh ký tên để xác định ranh đất. Thời điểm này ông Lăng Viết Th còn sống, đại diện hộ có ký tên thống nhất ranh đất. Trong khi đó thửa đất của hộ ông Lăng Viết Th không có đo đạc thực tế. Giữa các ranh có trụ đá đầu ngoài giáp lộ (đã mất) và đầu trong trụ đá ngay mốc 2 anh Tuấn và ông T xác định vẫn còn.

Thứ hai: Diện tích đo thực tế thì thửa đất ông Th dư nhiều, còn thửa đất anh Tú thiếu, cụ thể:

Thửa 443 diện tích cấp giấy cho hộ anh Tú là 653m^2 nhưng đo chỉ còn 630m^2 (thiếu 23m^2) nếu tính phần tranh chấp mốc 3 – 4 – 5 – 6 là 23m^2 thì mới đủ diện tích 653m^2 theo giấy chứng nhận hộ anh Tú được cấp. Trong khi thửa đất 372 hộ ông Th được cấp là 570m^2 nhưng đo đạc thực tế thửa 372, diện tích 382m^2 cộng thửa 1173, diện tích 198m^2 là 580m^2 dư 10m^2 (chưa tính phần tranh chấp 23m^2).

Thửa 437 diện tích cấp giấy cho hộ anh Tú là 3.088m^2 nhưng đo chỉ còn 2.972m^2 (thiếu 116m^2) nếu tính phần tranh chấp mốc 1 – 1A – 3 – 6 – 7 – 1 là 117m^2 thì thửa đất 437 có diện tích 3.089m^2 dư 01m^2 theo giấy chứng nhận hộ anh Tú được cấp. Trong khi thửa đất 373 hộ ông Th được cấp là 5.005m^2 nhưng đo đạc thực tế thửa 373, diện tích 3.445m^2 cộng thửa 1174, diện tích 2010m^2 là 5.455m^2 dư 450m^2 (chưa tính phần tranh chấp 117m^2) trong khi ông T yêu cầu xác định ranh đất đảm bảo đủ diện tích theo giấy chứng nhận cấp cho hộ ông Th.

Thứ ba: Tại buổi đo đạc thì anh Tuấn là người đại diện theo ủy quyền cho anh Tú xác định ranh đất giữa các thửa đất là các mốc 1 – 2 – 3 – 4. Theo Công văn số 166 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XIV xác định: Đất tranh chấp thuộc thửa đất số 443 và 437, ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các mốc được thể hiện trên sơ đồ đo đạc ngày 13/01/2026. Theo đó mốc 1 – 1A – 3 là ranh cấp giấy quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 437 (phần giáp ranh thửa 373). Còn mốc 3 – 4 là ranh cấp giấy quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 443 (phần giáp ranh thửa 372).

Như vậy đối chiếu vị trí các mốc mà hai bên đương sự xác định ranh thì bên phía anh Tú xác định các mốc đều đúng, chỉ có lệch ngay vị trí mốc 2. Tại phiên Tòa anh Tuấn cũng thống nhất xác định lại ranh đất theo ranh cấp giấy là mốc 1 – 1A – 3 – 4 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

Tại khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố dụng dân sự quy định: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.*

Ông T không thống nhất phần ranh đất với anh Tú nhưng không đưa ra được tài liệu nào chứng minh cho việc mình xác định ranh đúng. Đồng thời vị trí mà ông T xác định có diện tích dư nhiều so giấy chứng nhận được cấp, không đúng với vị trí ranh cấp giấy, đã qua luôn phần đất của anh Tú.

Từ nội dung phân tích trên, xét yêu cầu của anh Phan Thanh T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xác định ranh giữa thửa đất 437 của hộ anh Tú với thửa 373 của ông Lăng Viết Th (hiện ông T quản lý) là mốc 1 – 1A – 3. Xác định xác định ranh giữa thửa đất 443 của hộ anh Tú với thửa 372 của ông Lăng Viết Th (hiện ông T quản lý) là mốc 3 – 4.

Các cây trồng của ông T dính qua phần đất của anh Tú thì ông T có trách nhiệm tự di dời.

[2.2] Đối với các con của ông Lăng Viết Tr (chết) được ông T cung cấp: Mặc dù thửa đất 372, 372 hiện hộ ông Lăng Viết Th vẫn còn đứng tên và ông Th đã chết nhưng do anh Tú chỉ yêu cầu Tòa án xác định ranh đất, ngoài ra không có đương sự nào trong vụ án yêu cầu chia thừa kế các thửa đất mà ông Lăng Viết Th đang đứng tên, đồng thời các thửa đất này thì chỉ có ông Lăng Viết T quản lý và ông T cũng không cung cấp được năm sinh, địa chỉ cụ thể của con ông Tr nên việc Tòa án xác định ranh đất theo yêu cầu của anh Tú cũng không ảnh hưởng quyền lợi của những người con của ông Lăng Viết Tr. Do đó Hội đồng xét xử không cần thiết đưa những người con của ông Tr vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp sau này có ai yêu cầu chia thừa kế các thửa đất mà hộ ông Lăng Viết Th đứng tên thì được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản trong vụ án này là 14.893.720 đồng. Do chấp nhận yêu cầu của anh Tú,

đồng thời anh Tú đã tạm ứng trước khoản tiền này nên ông Lăng Viết T là người đang quản lý đất có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Tú số tiền 14.893.720 đồng.

[2.4] Về án phí: Ông Lăng Viết T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với phần diện tích yêu cầu xác định ranh đất không được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh T. Xác định ranh đất giữa thửa 437, tờ bản đồ 17 (Lúa) của hộ Phan Thanh T đứng tên với thửa 373 (nay là thửa 425) tờ bản đồ số 17 (Lúa) của hộ ông Lăng Viết Th là từ mốc 1 – 1A – 3.

- Xác định ranh đất giữa thửa 443, tờ bản đồ 17 (CLN) của hộ anh Phan Thanh T đứng tên với thửa 372 (nay là thửa 426) tờ bản đồ số 17 (T, CLN) của hộ ông Lăng Viết Th (chết) hiện do ông Lăng Viết T quản lý, sử dụng là từ mốc 3 – 4.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/12/2024 và sơ đồ đo đạc ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XIV).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Các cây trồng của ông T dính qua phần đất của anh Tú thì ông T có trách nhiệm tự di dời.

Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh đất đã xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất, không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

2. Chi phí tố tụng: Ông Lăng Viết T chịu chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản là 14.893.720 đồng. Do anh Phan Thanh T đã tạm ứng và chi xong nên ông T có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Tú số tiền 14.893.720 đồng.

3. Về án phí: Ông Lăng Viết T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Phan Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013569 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch Thành, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND KV8-ĐT;
- Phòng THADS KV8-ĐT;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ch Văn Bình